

***Bản án số: 189/2021/HSST
Ngày 24/5/2021***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hải;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ninh

2. Ông Dương Văn Xây

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Xuân – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên. Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 198/2021/HSST, ngày 28 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vương Quốc T, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 07/6/1995; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Pù Vải, xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vương Văn Hợp (Đã chết); Con bà: Lý Thị Nga; Vợ: Đặng Thị Hương, Có 01 con, sinh năm 2016;

- Tiền án: Bản án số 14/2018/HSST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. (Chấp hành xong án phạt tù ngày 25/02/2019). Chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí.

- Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/02/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo Vương Quốc T: Ông Phạm Ngọc Khuê - Luật sư thuộc VPLS Hùng Vương – Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên (Có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1958, Địa chỉ: Tổ 12, phường Tân Thịnh, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

* **Người chứng kiến:** 1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986, trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986, trú tại: Tổ 12, phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Doãn Hoàng T, sinh năm 1965, Tổ 12, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vương Quốc T là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Khoảng 17 giờ ngày 17/02/2021 T đi đến nhà bà Nguyễn Thị Kim Thanh, (sinh năm 1958, HKTT: tổ 12, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên) để mua đồ, T thấy cửa nhà không khoá, trong nhà không có ai ở nhà nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T đẩy cửa đi vào trong nhà thấy trên tủ gỗ để tivi có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s màu vàng đang cắm sạc, T dùng tay phải cầm điện thoại trên rồi nhanh chóng tẩu thoát. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày T cầm điện thoại trên đến quán điện thoại của ông Doãn Quang Tuyến (sinh năm 1965 tại tổ 09, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên) để cầm cố cho ông Tuyến với số tiền 200.000 đồng, T mua ma túy và tiêu sài cá nhân hết. Đến 12 giờ ngày 18/02/2021, do hết tiền T đến gặp ông Tuyến thỏa thuận bán chiếc điện thoại trên cho ông Tuyến và lấy thêm số tiền 150.000 đồng. Số tiền trên T đã mua ma túy sử dụng hết. Tổng số tiền T bán điện thoại cho ông Tuyến là 350.000 đồng. Sau khi bị trộm cắp điện thoại, ngày 18/02/2021 bà Thanh đến Công an phường Tân Thịnh trình báo sự việc. Tại bản Kết luận số 58/HĐĐGTS ngày 25/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S mặt lưng màu vàng, dung lượng 16G, số Seri C76QXSJRGRY, số Imeil: 355697071932036, đã qua sử dụng trị giá tài sản 1.700.000 đồng

Tại cơ quan điều tra Vương Quốc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên, phù hợp với đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, lời khai của người chứng kiến, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vật chứng của vụ án: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S mặt lưng màu vàng, dung lượng 16G, số Seri C76QXSJRGRY, số Imeil: 355697071932036, đã qua sử dụng. Hiện được thu hồi trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim Thanh là chủ sở hữu quản lý và sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 208/CT-VKSTPTN ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Vương Quốc T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ quyền công tố đã trình bày bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị HĐXX tuyên bố: Bị cáo Vương Quốc T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

*Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Vương Quốc T từ 09 đến 12 tháng tù; Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp

dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; Trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không đặt ra vấn đề giải quyết; Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 350.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Luật sư Phạm Ngọc Khuê trình bày bản bào chữa: Hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đối với bị cáo Vương Quốc T, bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị cáo có tuổi đời còn trẻ, am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế. Từ những căn cứ nêu trên tôi đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, về phần dân sự do bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra vấn đề giải quyết, bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Vương Quốc T: Không đối đáp, tranh luận. Nhất trí với nội dung Bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận việc truy tố xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo xin hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vương Quốc T và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa đối với bà Nguyễn Thị Kim Thanh và ông Doãn Quang Tuyến, tuy nhiên bà Thanh, ông Tuyến có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự, về phần hình sự bà Thanh đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại

phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, lời khai của người chứng kiến, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Hồi 17 giờ ngày 17/02/2021, tại tổ 12, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, Vương Quốc T là người đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S mặt lưng màu vàng đã qua sử dụng, trị giá 1.700.000 đồng của bà Nguyễn Thị Kim Thanh. Hiện tài sản đã được thu hồi trả cho bà Thanh quản lý, sử dụng, bà Thanh không có đề nghị gì. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Doãn Quang Tuyến không yêu cầu T phải trả số tiền mà ông đã bỏ ra mua điện thoại là 350.000 đồng.

Mặc dù giá trị tài sản bị cáo trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, nhưng bị cáo đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích. Vì vậy hành vi của bị cáo Vương Quốc T đã đủ yếu tố cấu thành tội *Trộm cắp tài sản*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3]. Tại bản Cáo trạng số 208/CT-VKSTPTN ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Vương Quốc T về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung điều luật như sau :

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

a) ...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi với lỗi cố ý, làm mất trật tự an toàn xã hội, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân, tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vương Quốc T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nhưng đã làm căn cứ để định tội do vậy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về phần dân sự nên HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

[8].Biện pháp tư pháp: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S mặt lưng màu vàng bị cáo T trộm cắp của bà Thanh, bị cáo mang bán cho anh Tuyến được 350.000đồng hiện nay đã thu hồi chiếc điện thoại trả lại cho bị hại là bà Thanh quản lý sử dụng, tuy nhiên người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tuyến không yêu cầu bị cáo bồi thường xác định là số tiền thu lời bất chính nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[9].Về án phí và quyền kháng cáo:Bị cáo phải chịu án phí, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10]. Các vấn đề khác: Đối với ông Doãn Quang Tuyến là người mua chiếc điện thoại của T nhưng ông Tuyến không biết chiếc điện thoại là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông Tuyến là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/ Xử phạt:Bị cáo Vương Quốc T 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo 19/02/2021.

- Quyết định tạm giam bị cáo Vương Quốc T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3/Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra vấn đề giải quyết.

4/ Biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự Truy thu số tiền 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền thu lời bất chính của bị cáo Vương Quốc T nộp Ngân sách nhà nước.

5/Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án, buộc bị cáo Vương Quốc T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

6/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo T, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Thanh, ông Tuyền vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Hải